



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.02268

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

- Tên sản phẩm** : Thức ăn bổ sung
(02 sản phẩm, chi tiết tại STT 1-2 Phụ lục đính kèm)
- Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH KHOA KỸ SINH VẬT THĂNG LONG**
- Địa chỉ trụ sở** : Lô A05, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam
- Địa điểm sản xuất** : Lô B081-B082, Đường số 1, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam
- Phương thức đánh giá** : Phương thức 1 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKH-CN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
- Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
- Hiệu lực của Giấy chứng nhận** : 2 năm kể từ ngày cấp

Quyết định chứng nhận

Số: 809/QĐ-TTKN

Ngày 29 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đã Thanh Tùng





**CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN**

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.02269

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

- Tên sản phẩm** : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản
(02 sản phẩm, chi tiết tại STT 3-4 Phụ lục đính kèm)
- Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH KHOA KỸ SINH VẬT THĂNG LONG**
- Địa chỉ trụ sở** : Lô A05, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam
- Địa điểm sản xuất** : Lô B081-B082, Đường số 1, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam
- Phương thức đánh giá** : Phương thức 5 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
- Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT
- Hiệu lực của Giấy chứng nhận** : 3 năm kể từ ngày cấp

Quyết định chứng nhận

Số: 809/QĐ-TTKN

Ngày 29 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đã Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.05.0.22.01832

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

- Tên sản phẩm** : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản
(02 sản phẩm, chi tiết tại STT 5-6 Phụ lục đính kèm)
- Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH KHOA KỸ SINH VẬT THĂNG LONG**
- Địa chỉ trụ sở** : Lô A05, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam
- Địa điểm sản xuất** : Lô B081-B082, Đường số 1, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam
- Phương thức đánh giá** : Phương thức 5 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKH-CN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
- Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT
- Hiệu lực của Giấy chứng nhận** : 3 năm kể từ ngày cấp

Quyết định chứng nhận
Số: 809/QĐ-TTKN
Ngày 29 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Thanh Tùng



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 5450/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Hoàng Văn Sứy

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Hoàng Văn Sứy

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 15952505832

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 23/05/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 23/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
REVIVE FAST (TĂBS)	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 28/05/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 5451/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Hoàng Văn Sứy

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Hoàng Văn Sứy

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 15952505833

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 23/05/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 23/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
AQUA REVIVE (TÁBS)	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 28/05/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 5453/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Hoàng Văn Sứy

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Hoàng Văn Sứy

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 15952505835

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 23/05/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 23/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
REVIVE FAST (XLMT)	Asen (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Escherichia coli	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 28/05/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 5454/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Hoàng Văn Súly
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (núi dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Hoàng Văn Súly
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 15952505836
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 23/05/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 23/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
AQUA REVIVE (XLMT)	Asen (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Escherichia coli	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 28/05/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 5455/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Hoàng Văn Súly
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Hoàng Văn Súly
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 15952505837
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 23/05/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 23/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
SUPER MIX	Asen (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012

Cần Thơ, ngày/date: 28/05/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 5456/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Hoàng Văn Sứy

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Hoàng Văn Sứy

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 15952505838

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 23/05/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 23/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
AQUA MIX	Asen (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012

Cần Thơ, ngày/date: 28/05/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.